TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **99**/2019/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 19 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 04, thôn V, xã M, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh **Văn Trọng Q**, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 04, thôn V, xã M, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Văn Trọng Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, cấp ngày 20/12/2017 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, Thành phố Hà Nội cấp cho chị Phạm Thị T và anh Văn Trọng Q không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị Phạm Thị T và anh Văn Trọng Q đều xác nhận có 01 con chung. Giao cháu **Văn Thị Hồng N**, sinh ngày 07/12/2018 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc có thoả thuận khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Q đến khi có yêu cầu mới.

Anh Văn Trọng Q có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

Chị Phạm Thị T và anh Văn Trọng Q mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu cả phần án phí thay cho anh Q nên chị T phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)* án phí. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **2279** ngày 07/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hà Nội. Nay chị T được hoàn lại 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lâm Bình